

**Công văn**

Tiền Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2018

V/v: Giải trình KQKD riêng Quý 4/2018

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa quý 4 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017:

CHỈ TIÊU	QUÝ 4/2018	QUÝ 4/2017	CHÊNH LỆCH Giá trị (đồng)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.365.031.852.009</b>	<b>1.388.867.270.433</b>	<b>(23.835.418.424)</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	11.188.292.683	9.952.864.887	1.235.427.796
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.353.843.559.326	1.378.914.405.546	(25.070.846.220)
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>1.259.380.661.260</b>	<b>1.322.870.448.143</b>	<b>(63.489.786.883)</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>94.462.898.066</b>	<b>56.043.957.403</b>	<b>38.418.940.663</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	247.089.485.709	54.796.069.380	192.293.416.329
7. Chi phí tài chính	(1.249.867.625)	100.678.082.963	(101.927.950.588)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	22.499.660.189	51.762.807.256	(29.263.147.067)
8. Chi phí bán hàng	23.947.969.858	32.871.430.237	(8.923.460.379)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.192.241.889	171.622.462.898	(159.430.221.009)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>306.662.039.653</b>	<b>(194.331.949.315)</b>	<b>500.993.988.968</b>
11. Thu nhập khác	99.518.714.124	4.799.921.484	94.718.792.640
12. Chi phí khác	4.715.581.125	542.233.229	4.173.347.896
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>94.803.132.999</b>	<b>4.257.688.255</b>	<b>90.545.444.744</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>401.465.172.652</b>	<b>(190.074.261.060)</b>	<b>591.539.433.712</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	19.979.523.628	(3.838.948.388)	23.818.472.016
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>381.485.649.024</b>	<b>(186.235.312.672)</b>	<b>567.720.961.696</b>

**Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:**

1. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 38,4 tỷ đồng, tương đương 68,5% chủ yếu do:
  - Lãi gộp hoạt động xuất khẩu thủy sản giảm 51,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái;
  - Lãi gộp của hoạt động bán thủy sản nội địa tăng 80 tỷ so với cùng kỳ năm ngoái;
  - Quý 4 năm 2018 Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng, so với số trích lập của quý 4 năm 2017 là 11,6 tỷ.
2. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 350,9% (tương ứng 192,2 tỷ đồng) chủ yếu do:
  - Khoản lãi 224,7 tỷ đồng từ việc thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (HOSE: VTF)
  - Lợi nhuận và cổ tức được chia từ đầu tư trong quý 4 năm 2018 giảm 46,3 tỷ đồng so với quý 4 năm 2017.
3. Chi phí tài chính giảm 101,9 tỷ đồng, tương đương 101,2%, trong đó:
  - Lãi vay giảm 56,53% (tương ứng 29,2 tỷ đồng);
  - Quý 4 năm 2018 ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính 32,6 tỷ do việc thoái hết vốn đầu tư tại Công ty CP XNK Lâm Thủy Sản Bến Tre, trong khi quý 4 năm 2017 ghi nhận khoản dự phòng là 18,6 tỷ;
  - Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 67,3% (tương ứng 19,1 tỷ đồng).
4. Chi phí bán hàng giảm 27,1% (tương ứng 8,9 tỷ đồng) chủ yếu do các chi phí bán hàng liên quan như vận chuyển, lưu kho, giao nhận, chi phí bảo hiểm giảm 9,9 tỷ đồng.
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 92,9% (tương ứng 159,4 tỷ đồng) chủ yếu do số dự phòng nợ phải thu khó đòi lập trong quý 4 năm 2018 là 3 tỷ, thấp hơn 159,8 tỷ so với số phải trích lập của cùng kỳ năm 2017.
6. Lợi nhuận khác tăng 90,5 tỷ, tương đương 2126% so với quý 4 năm 2017 do việc thanh lý các tài sản tại Kho lạnh 2 trong quý 4 năm 2018 đã mang lại khoản lãi 99,4 tỷ cho Công ty.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2018 tăng 567,7 tỷ so với cùng kỳ năm 2017.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý 4 năm 2018 so với quý 4 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.



**DƯƠNG NGỌC MINH**

Nơi nhận: - Như trên  
- Bộ phận tài chính kế toán